

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Ông Phạm Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Hồng D; địa chỉ: Ấp TM 2, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Diệp Thanh T; địa chỉ: Ấp TM 2, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ nơi ở hiện nay: đường ĐTH, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Hồng D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà D và ông Diệp Thanh T được mai mối sau đó khoảng 01 tháng thì đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/9/2009.

Sau khi kết hôn, bà D và ông T sống chung với gia đình của ông T tại địa chỉ ấp TM 2, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, đến năm 2015 thì bà D và ông T thuê nhà trọ sống riêng và đi làm ở Đồng Nai, Đến năm 2022, bà D và ông T không còn sống chung với nhau nữa. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến

năm 2016 thì không còn hạnh phúc, do vợ chồng chung sống không hòa hợp với nhau, ông T không có sự quan tâm chia sẻ với công việc trong gia đình và ông T không có đi làm để phụ giúp bà D về mặt kinh tế, ông T còn có tính ghen tuông vô cớ. Ngoài ra, ông T còn có tính gây sự vô cớ với người khác bên ngoài, cho nên tình cảm vợ chồng không còn nên không thể sống hạnh phúc được nữa.

Khi phát sinh mâu thuẫn bà D cũng có tạo điều kiện cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T và gia đình hai bên cũng không có khuyến khích vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì bà D đến địa chỉ ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh để sinh sống và đi làm, còn ông T về sống chung với gia đình của ông T tại địa chỉ ấp TM 2, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay thì ông T đang sinh sống cùng với cha mẹ ruột của ông T tại địa chỉ số 49A, đường ĐTH, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Bà D xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, bà D không thể hàn gắn đoàn tụ với ông T được, cương quyết xin ly hôn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Diệp Thanh T theo đơn khởi kiện.

- Về con chung: Có một người con chung tên là Diệp Bùi Anh K - sinh ngày 25/3/2010. Hiện nay Diệp Bùi Anh K đang ở chung với bà D, do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi dưỡng Diệp Bùi Anh K và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà D đang làm công nhân may, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập này là mức thu nhập ổn định hàng tháng của bà, với mức thu nhập này bà có đủ khả năng để nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Diệp Thanh T: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Diệp Thanh T cư trú tại địa chỉ đường ĐTH, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự:

Bị đơn ông Diệp Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Bà Bùi Hồng D với ông Diệp Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/9/2009. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của bà D và ông T: Bà D xác nhận, quá trình chung sống đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chung sống không hòa hợp với nhau, ông T không có sự quan tâm chia sẻ với công việc trong gia đình và ông T không có đi làm để phụ giúp bà D về mặt kinh tế, ông T còn có tính ghen tuông vô cớ. Ngoài ra, ông T còn có tính gây sự vô cớ với người khác bên ngoài, cho nên tình cảm vợ chồng không còn nên không thể sống hạnh phúc được nữa.

Xét thấy, bà D và ông T không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau, đến nay không giải quyết khắc phục được, vợ chồng không thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Xét thấy, con chung tên Diệp Bùi Anh K - sinh ngày 25/3/2010 chưa thành niên và hiện nay bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, bà D và ông T ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, trong thời gian đó Anh K sống với bà D, cuộc sống của cháu đang ổn định. Do đó, việc giao Anh K cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Anh K và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Bùi Hồng D và ông Diệp Thanh T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Diệp Bùi Anh K - sinh ngày 25/3/2010 cho bà Bùi Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Diệp Thanh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Bà Bùi Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà Bùi Hồng D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Bùi Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007151 ngày 09/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan